

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 5 - 2018

*“V/v Tranh chấp Hôn nhân và
gia đình”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phấn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Viết Tùng

Ông Ngô Xuân Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử công khai vụ án thụ lý số 135/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1978; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Xóm 3, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hiện cư trú tại: Số 41, phố Anderton, Chorley Lancashire PR 72 AY, Vương quốc Anh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Kiều Đình V, sinh năm 1971; Hiện cư trú tại: Xóm 3, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 11/10/2017, bản tự khai Chị Lê Thị N trình bày: Chị và anh Kiều Đình V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An ngày 08/11/1994. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau có 03 người con chung thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân mâu thuẫn là do khác biệt trong tính cách, quan điểm sống. Hơn nữa, vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị N đã đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, nên vợ chồng ít gần gũi, quan tâm nhau về cả vật chất lẫn tinh thần. Nay, chị N nhận thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân và việc kéo dài đời sống chung chỉ làm khổ nhau nên chị N đã về Việt Nam làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kiều Đình V.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Kiều Hải Th, sinh năm 1995; Kiều Thị Th1 và Kiều Thị Th2, đều sinh ngày 02/7/2001. Hiện cháu Thương trưởng thành, đã có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu Th1 và cháu Th2 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Kiều Đình V trình bày: Về thời gian, điều kiện, địa điểm đăng ký kết hôn đúng như chị N trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2004, vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên vợ chồng thống nhất để chị N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau khi hết hợp đồng lao động tại Đài Loan chị N tiếp tục làm thủ tục để đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa Síp vào tháng 8/2008 còn anh ở nhà chăm sóc các con. Khi hết thời gian hợp đồng tại Cộng hòa Síp chị N lại làm thủ tục sang Vương quốc Anh từ năm 2016 đến nay. Tháng 5/2017, chị N về nước để tổ chức đám cưới cho con gái đầu thì anh V thấy chị N có sự thay đổi trong cách cư xử, tình cảm với anh và gia đình bên nội. Anh V đã cố gắng gần gũi, tâm sự và bàn bạc với chị N về Việt Nam để hai vợ chồng cùng chung sống, làm ăn và chăm lo gia đình nhưng chị N vẫn tiếp tục đi ra nước ngoài mà không thông tin gì cho anh. Tháng 11/2017, anh V nhận được thông báo của Tòa án thì mới biết chị N nộp thủ tục ly hôn anh tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Việc chị N trình bày mâu thuẫn vợ chồng anh không đồng ý vì không đúng và xúc phạm anh, nhưng nếu chị N không muốn sống chung với anh nữa thì anh V chấp nhận sự lựa chọn của chị N và đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, ngày tháng năm sinh đúng như chị N trình bày. Nếu vợ chồng ly hôn nguyện vọng của anh V xin được nuôi cháu Kiều Thị Th1 và Kiều Thị Th2 đến lúc trưởng thành, vì các cháu đang có cuộc sống ổn định nên không muốn xáo trộn và anh V không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: Không có.

Cháu Kiều Thị Th1 và Kiều Thị Th2 trình bày: Các cháu là con của bố V, mẹ N, từ khi mẹ đi nước ngoài đến nay các cháu ở với bố. Nay bố mẹ ly hôn nhau nguyện vọng của hai cháu muốn được mẹ nuôi dưỡng vì mẹ có điều kiện hơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến; Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định, đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của họ. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, cho ly hôn giữa chị N và anh V và giao hai cháu chưa thành niên cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị N, vì anh V chưa yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị N hiện đang ở nước ngoài, sau khi gửi đơn khởi kiện, trình bày quan điểm và tham gia hòa giải, nhưng vì điều kiện không thể trực tiếp tham gia giải quyết vụ án được, nên chị N đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Chị Lê Thị N theo quy định. Đối với việc mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải: Trong quá trình giải quyết vụ án anh V, chị N có mặt trực tiếp tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên sau khi anh V, chị N trình bày ý kiến, Tòa án đã lập biên bản, anh Kiều Đình V đã được đọc lại nhưng không ký vào biên bản mà không nêu lý do và tự ý bỏ về. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án không tiến hành hòa giải được.

Về nội dung: Tại phiên tòa, mặc dù Chị Lê Thị N vắng mặt, nhưng vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, yêu cầu được ly hôn anh Kiều Đình V và giải quyết các nội dung liên quan. Xét thấy, Chị Lê Thị N và anh Kiều Đình V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau có 03 người con chung thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do, vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị N đã đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, hai người ít có điều kiện gần gũi nhau và từ tháng 5 năm 2017 đến nay vợ chồng không quan tâm gì đến nhau kể cả vật chất lẫn tinh thần. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn. Còn anh V thì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, nhưng nếu chị N không muốn sống chung với anh nữa thì anh V chấp nhận sự lựa chọn của chị N và đồng ý ly hôn. Mặt khác, căn cứ Trích lục kết hôn thì, mặc dù tại thời điểm kết hôn chị N chưa đủ 18 tuổi, tuy

nhiên hiện chị N đã đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình, nay chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh V. Do đó căn cứ điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp và Khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho họ được ly hôn nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, trong đó có cháu Kiều Hải Th, sinh năm 1995, hiện trưởng thành đã có gia đình riêng, anh V, chị N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Đối với hai cháu Kiều Thị Th1 và Kiều Thị Th2, đều sinh ngày 02/7/2001 (Sinh đôi). Trong quá trình giải quyết vụ án cả Chị Lê Thị N và anh Kiều Đình V đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; cháu Kiều Thị Th1, Kiều Thị Th2 có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì mong muốn được ở với mẹ vì mẹ có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc tốt hơn. Xét yêu cầu của chị N, anh V và các cháu Th1, Th2 là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên cần xem xét đến việc cháu Kiều Thị Th1, Kiều Thị Th2 đang sinh hoạt và học tập ổn định, không nên xáo trộn cuộc sống của các cháu, chị N lại đang lao động tại nước ngoài không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hơn nữa anh V là người trực tiếp chăm sóc các cháu từ lúc còn nhỏ đến bây giờ, các cháu phát triển tốt về mọi mặt, vì vậy cần tiếp tục giao cháu Kiều Thị Th1, Kiều Thị Th2 cho anh Kiều Đình V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N vì anh V không yêu cầu.

Về tài sản, nợ chung: Anh Kiều Đình V và Chị Lê Thị N đều thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, chưa yêu cầu giải quyết, nên Tòa án chưa xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 207; Khoản 1 Điều 228; Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Lê Thị N và anh Kiều Đình V.
2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao 02 con chung Kiều Thị Th1 và Kiều Thị Th2, đều sinh ngày 02/7/2001 cho anh Kiều Đình V trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với Chị Lê Thị N. Chị Lê Thị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Kiều Đình V và Chị Lê Thị N đều thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, chưa yêu cầu giải quyết, nên Tòa án chưa xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000565 ngày 24/11/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Về quyền kháng cáo:

5.1. Anh Kiều Đình V có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5.2. Chị Lê Thị N đang cư trú ở nước ngoài, vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản sao bản án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Q, h. Q, NA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Phấn